

Từ triết lý đến tín ngưỡng của pháp môn Phật

Thích Đức Trí

- I- Khái lược về triết lý kinh điển của pháp môn Niệm Phật
- II- Bước chuyển từ triết lý niệm Phật đến tín ngưỡng niệm Phật
- III- Vãng sanh và chứng ngộ là tinh hoa của pháp môn niệm Phật
- IV- Lời kết

Nội dung

I- Khái lược về triết lý kinh điển của pháp môn Niệm Phật

Hầu hết các kinh luận Đại thừa đa số đều thuyết minh tổng quát về pháp môn niệm Phật. Trên thực tế hình thành pháp môn Tịnh Độ phổ biến từ tư tưởng các bộ kinh căn bản như Kinh Bát Chu Tam Muội (Ban Châu Tam Muội), Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Thủ Lăng Nghiêm và nhiều bộ kinh khác. Pháp môn Phật đến với quần chúng ước tính khoảng mười tám thế kỷ qua (Tính từ khi Kinh Ban Châu Tam Muội được dịch tại Trung quốc năm 179 s.dl.), và pháp môn Tịnh Độ được hình thành và phát triển thời tổ sư Huệ Viễn (334-416 TL) cho đến ngày nay. Thực tế lịch sử đã chứng minh pháp môn niệm Phật đã đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực truyền bá Phật giáo Đại thừa. Y cứ từ kinh điển liên quan Pháp môn niệm Phật, trên căn bản thì thiền sư Tông Mật (784-841), tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm đã phân thành bốn phương pháp niệm Phật. Đó là trì danh niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tướng niệm Phật và thật tướng niệm Phật. Từ thời đại Tổ Liên Trì về sau phổ biến phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà.

Khi quay trở về với các kinh điển Nguyên thủy để đối chiếu thì thấy có những điểm khác nhau giữa pháp niệm Phật trong Phật giáo Nguyên Thủy và Tịnh Độ tông. Đó là sự thực, lý do là Phật giáo Nguyên thủy lấy Thiền Tứ Niệm Xứ làm pháp môn chủ đạo cho sự chứng đắc và giác ngộ. Niệm Phật theo hệ kinh Nikaya là pháp quán niệm chứ không phải là xưng niệm danh hiệu như thời kì về sau này của Tịnh Độ tông. Nhưng vấn đề chú ý là Tịnh Độ tông lấy pháp niệm Phật làm pháp môn chủ đạo cho mục đích vãng sanh và chứng đắc Niết bàn. Nói niệm Phật vãng sanh là có y cứ từ kinh luận Đại thừa. Nhưng niệm Phật chứng ngộ Niết bàn được đề cập trong kinh điển Nguyên thủy là Đại thừa chưa phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Từ hiện thực đó, niệm Phật là một nghệ thuật điều phục tâm, phương pháp tuyệt diệu đi vào thiền định và chứng đắc tuệ giác bị chôn vùi đằng sau lớp rào cản của tín ngưỡng làm cho mọi người dễ phát sinh nhiều quan niệm sai biệt về pháp tu này. Tín ngưỡng đây là từ ngữ tạm dùng vì chưa thể hiện trọn vẹn ý nghĩa niệm Phật từ phương diện triết lý. Tín ngưỡng niệm Phật là mặt nổi với niềm tin Phật ở cõi Tây Phương được phổ

biển trong nhân gian, nhưng trong đó tiềm ẩn tư tưởng Phật đà quan và pháp quan của Phật giáo Đại thừa. Niềm tin và triết lý của Pháp niệm Phật đã từng hòa quyện vào nhau trở thành pháp tu với hai phương diện niệm Phật vãng sanh và niệm Phật chứng ngộ Niết bàn là vấn đề mà bài viết này đề cập đến.

A Di Đà, phiên âm từ chữ Phạn Amita, có nghĩa là Vô Lượng; A Di Đà là Vô Lượng Thọ (Amitāyus) và Vô Lượng Quang (Amitābha). Tại sao từ A Di Đà chuyển đến ý nghĩa Vô Lượng Thọ và Vô lượng Quang, đó là xuất phát từ nhiều lý do thích đáng. Các nhà dịch thuật đều căn cứ vào ý nghĩa và nội dung kinh văn để nhận thức phẩm đức của Phật A Di Đà. Theo từ điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam giải nghĩa: “A Di Đà xuất hiện rất sớm ở Trung Quốc qua bộ kinh Ban Châu Tam Muội do Chi Lô Ca Sấm thực hiện năm 179 s.dl., Đại A Di Đà Kinh do Chi Khiêm dịch vào đầu thế kỷ thứ III và Kinh A Di Đà do La Thập dịch vào đầu thế kỷ thứ V”¹. Điều chúng ta thấy là có nhiều kinh luận Đại thừa xuất hiện giới thiệu Phật A Di Đà. Theo tinh thần các kinh Đại thừa nói chung thì A Di Đà (Amita) có nghĩa rút gọn tên Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Đặc biệt trong kinh điển Mật giáo, A Di Đà Phật còn có tên gọi là Cam Lồ Đại Minh Vương hay Kim Cương Cam Lồ Thân². Một vài học giả đối chiếu tư tưởng các tôn giáo khác có sự suy luận sai biệt, như có người cho rằng: “A Di Đà là sự phát triển của thần thoại mặt trời trong tư tưởng tôn giáo Iran, hay có thể xuất phát từ tín ngưỡng Vishnu trong thời Veda của Ấn Độ”³. Nhưng chúng ta phải hiểu là đó sự suy luận theo tinh thần khảo cứu của các học giả. Đối với các nhà Phật học chắc chắn căn cứ nội dung các kinh điển Đại thừa và kinh Nguyên thủy để phát triển tác dụng giáo lý Tịnh Độ trong quá trình tu tập và hoằng pháp.

Ai đã từng đọc kinh văn Nguyên Thủy, đều biết ý nghĩa niệm Phật là phương pháp quán tưởng, quán niệm về mười phẩm hạnh của Đức Phật trong pháp Lục niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên. Có nghĩa Niệm Phật ở đây là tư duy về Phẩm đức Phật chứ không phải là xưng danh hiệu. Khi thuyết pháp cho các đệ tử cư sĩ, Đức Phật dạy như sau: “Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn. Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ.”⁴ Trong Kinh Trung A Hàm đức Phật dạy về tác dụng pháp quán niệm mười phẩm đức của Phật: “*Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham nếu có liền bị tiêu diệt. Những pháp tạp ược, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt.*”⁵ Niệm Phật trong thiền môn tổ sư thiền tông Hoàng Nhẫn có chủ trương: “Niệm Phật tịnh tâm”⁶ (Niệm Phật để tịnh tâm). Niệm Phật ở đây là phương tiện nhiếp tâm và quán tâm. Cho nên thiền sư Thần Tú định nghĩa: “Phù niệm Phật giả,

¹ Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 396

² Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 407

³ Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 412

⁴ Kinh Tạp A Hàm số 980, Việt dịch: Thích Đức Thắng, Tuệ Sĩ chú giải.

⁵ Kinh trung A Hàm- Bài Kinh Trì Trì số 202, Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ.

⁶ Pháp sư Ấn Thuận-Trung Quốc Thiền Tông Sư- Niệm Phật tịnh tâm dữ tịnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã(Từ bản Hán)

đương tu chánh niệm”⁷ (Niệm Phật tức là tu chánh niệm), mà chánh niệm để quán nguồn tâm, thuật từ diễn đạt là “quán sát tâm Nguyên”. Tịnh Độ tại tâm là chủ trương của Thiền tông cũng chỉ là cấp độ hoàn thiện của Pháp môn niệm Phật. Tư tưởng này cũng là quan niệm về Tịnh độ của Phật giáo Việt Nam thời Trần, Thiền Sư Trần Nhân Tông có bài kệ khai thị như sau: “*Tịnh Độ là lòng trong sạch, Chớ còn hỏi đến Tây Phương. Di Đà là tính sáng soi, Mưa phải nhọc tìm Cực Lạc*”⁸ Một khi đạt đến cấp độ niệm Phật đoạn trừ phiền não, dứt sạch tham ái thì Niết bàn xuất hiện và Cực lạc tây phương trong tầm tay đâu còn tìm cầu. Chứng ngộ Niết bàn là thể nhập được tánh giác thanh tịnh, đầy đủ vô lượng công đức, ý nghĩa ấy được gọi “Duy Tâm Tịnh độ” hay “Tự tánh Di Đà”, đó là cụ thể hóa ý nghĩa “Thực tướng niệm Phật” trong giáo nghĩa Tịnh Độ. Đây là điểm then chốt mà các tông phái thường quan niệm ý nghĩa Thiền và Tịnh hợp nhất

Trên phương diện kinh giáo thì Đức Phật Thích Ca là Phật lịch sử. Có vài học giả bảo rằng Phật A Di Đà là Phật Tôn giáo. Đây là điểm thuộc về nghiên cứu, nhưng chúng ta phải hiểu rằng: Mục đích Phật nói kinh, không phải xây dựng hình ảnh Phật theo ý nghĩa Tôn Giáo. Phật tôn giáo là khái niệm các học giả thiết lập để tìm hiểu về Phật giáo. Kinh văn Đại Thừa nhắc đến Phật A Di Đà là vị Phật quá khứ. Đứng về phương diện Phật Đà quan mà luận, nếu Nguyên thủy Phật giáo chấp niệm quan điểm Thất Phật theo kinh Trường bộ⁹, thì đương nhiên chấp nhận có quá khứ Phật, hiện tại Phật và vị lai Phật. A Di Đà hay mười phương chư Phật đều là Phật quá khứ. Phật dạy mọi chúng sanh có Phật tánh đều có thể thành Phật. Từ triết lý nhân quả mà luận thì tu theo hạnh Phật sẽ thành Phật, tu theo hạnh Bồ tát sẽ thành Bồ tát. Phật Thích Ca hay Phật Di Đà và vô số Phật trên phương diện Pháp thân, trí tánh giác ngộ đều bình đẳng, tu là để khôi phục tánh giác ngộ ấy. Nhưng các pháp môn căn bản đều thiết lập trên ba môn Giới-Định-Tuệ để loại bỏ Tham-Sân-Si. Pháp niệm Phật được hiểu như thế. Chúng sanh khổ đau do tâm tạo, do tâm hằng tư niệm ác pháp điều động thân miệng ý khởi hạnh ác, nay trở về niệm Phật, giúp tâm thanh tịnh. Tất cả các phương pháp Phật dạy đều là phương tiện, không nên dùng kiến giải chủ quan làm chìa khóa phân tích và so sánh nó từ gốc độ chân đế. Nếu lập luận như thế dễ làm chiếc bè và bờ sông là một, thật đáng tiếc trong phương thức luận!

Vấn đề Tịnh Độ quan, chúng ta suy nghiệm từ kinh tạng Nikaya, qua bài Kinh Đại Thiện Kiến Vương¹⁰, ngôn từ Đức Phật thuật lại cho ngài Anan nghe quốc gia hưng thịnh của vua Thiện Kiến làm Chuyển luân thánh vương trong thời quá khứ, ngôn từ diễn tả môi trường của cảnh giới ấy căn bản có nhiều điểm giống như thế giới Tây phương cực lạc trong kinh A Di Đà. Hơn nữa từ thực tế, Đức Thích Ca trước khi thành Phật cõi Ta Bà là Bồ tát Hộ Minh trú tại cõi trời Đâu suất, Phật Di Lạc tương lai thành Phật cũng đang trú tại cõi trời

⁷ Lưu Quý Kiệt-Phật Giáo Triết Học, chương 23, Phật giáo thực tiễn luận, Tr 433 (Xem từ bản Hán)

⁸ Sđd, Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam-2005, tr 446

⁹ Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bản (D.ii.14)

¹⁰ Pāli: D.17. Mahā-Sudassana-suttanta. Tham chiếu, No.1(2) “Kinh Du hành”; No.5 Phật Bát-nê-hoàn Kinh, quyển hạ, Bạch Pháp Tổ dịch; No.6 Bát-nê-hoàn kinh, khuyết danh dịch; No.7 Đại Bát-niết-bàn kinh, Nghĩa Tịnh dịch; No.1451 Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Ti-nại-da Tạp Sự quyển 37, Nghĩa Tịnh dịch. (Theo chú thích của thầy Tuệ sĩ dịch kinh Trung A Hàm)

Đâu suất. Cảnh giới đó chúng ta có thể gọi là Thiên quốc tịnh độ. Đứng về phạm trù tâm mà luận, Phật hay Bồ tát luôn có Tịnh Độ hiện hữu, vì có cái tâm trong sạch thì có cảnh giới trong sạch là Tịnh Độ. Nếu Phật và Bồ tát có tâm giải thoát khi thị hiện trong nhân gian này, thì thế giới chúng ta có thể gọi là Phạm thánh đồng cư độ.

Do vậy, người tu niệm Phật xem Đức Phật là đấng giác ngộ vẹn toàn, bậc giác ngộ giải thoát có năng lực từ bi và trí tuệ siêu việt, tin cõi Tịnh Độ trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Đức Phật xuất hiện thế gian không ai bằng Phật được nhấn mạnh trong kinh Nguyên thủy như sau: *“Ta là bậc tối thượng ở đời. Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời.”*¹¹ Trong Kinh điển Nguyên thủy ghi lại Đức Thích Ca cũng xuất hiện trong đời với nhiều năng lực siêu phàm, công đức thù thắng siêu việt thế gian, người phàm phu không có được. Trong giáo lý Tịnh Độ, các kinh điển Đại thừa đều đề cập Đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp độ chúng sanh phát nguyện vãng sanh là điều sự thực chứ không yếu tố thần thoại của người đời sau. Kinh Nguyên thủy cũng có xác nhận về sự kiện đức Phật hiện hào quang như sau: *“A Nan nên biết, ta có hai nhân duyên mà phóng hào quang lớn: Một là khi ở bên gốc cây bồ đề sắp thành đạo, liền phóng hào quang. Hai là khi sắp vào Niết bàn cũng phóng hào quang lớn.”*¹²

Như thế, từ quan điểm tu niệm Phật của Phật giáo Nguyên Thủy, Tịnh Độ tông phát huy yếu tố niệm Phật với tín ngưỡng tích cực, kinh luận Đại thừa cho là chánh tín trong pháp môn tu. Nhưng niệm Phật nhập vào cảnh giới Tam Muội (Chánh Định), phát huy sự quán chiếu và chứng ngộ Niết bàn được nhấn mạnh trong kinh Bát Chu Tam Muội, Kinh Lăng Nghiêm, hay Kinh Văn thù Thuyết Bát Nhã Kinh thì hoàn toàn phù hợp với quan điểm niệm Phật chứng đắc Niết Bàn trong kinh Nguyên thủy. Đức Phật đã dạy như sau: *“Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là Niệm Phật. Chính một pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.”*¹³. Ý nghĩa niệm Phật như vậy thì Nguyên thủy và Đại thừa đều chấp nhận.

II- Bước chuyển từ triết lý niệm Phật đến tín ngưỡng niệm Phật:

Theo lịch sử Phật giáo thì từ thời Tổ Huệ Viễn đến thời Tổ Thiện Đạo có ba tư tưởng chính thực hành pháp môn Tịnh Độ gọi là “Tịnh độ tam lưu”. Trong tác phẩm: “Tuyển trạch bản nguyện niệm Phật tập”¹⁴ của Pháp Nhiên, một tăng sĩ Nhật Bản có chép rằng, có bốn nhân vật quan trọng trong sự phát triển tư tưởng Niệm Phật. Phái thứ nhất là Huệ Viễn (334-416) chủ trương quán tưởng niệm Phật, lấy kinh Ban Châu Tam Muội làm y cứ tu học. Thực hành quán tưởng niệm Phật, chuyên chú niệm Phật để đạt Tam Muội (Chánh định),

¹¹ Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bốn (D.ii.15).

¹² Bộ A Hàm II-Kinh Trường A Hàm số 2, Kinh Đại Bát Niết Bàn, tr 23, Phật học tùng thư Linh Sơn Anh quốc ấn hành.

¹³ Kinh Tăng Chi Bộ, tập I, chương 1, Phẩm Một pháp-Niệm Phật.

¹⁴ Pháp Nhiên Thượng sư- “Tuyển trạch bản nguyện niệm Phật tập”, xem từ bản Hán.

thấy Phật vãng sanh. Phái thứ hai có Đạo Xước và Thiện đạo, nhưng chỉ gọi là Phái Thiện Đạo (613-681), tiếp nối tư tưởng của Đàm Loan chủ trương nương vào tha lực Phật bốn nguyện của Phật, niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phái thứ ba có Tam tạng Từ Mẫn (680-748), còn gọi là Pháp sư Huệ Nhật, chủ trương: Giáo, Thiền, Giới, Tịnh kiêm tu, thực hành tất cả pháp lành, chuyên tâm niệm Phật nguyện sanh Tịnh Độ.

Kinh văn Đại thừa có quan niệm về yếu tố tha lực trong giáo nghĩa niệm Phật. Tha lực có phải là năng lực và bốn nguyện của Phật hay là hy vọng được thiết lập từ tính chủ quan của đệ tử Phật? Trong giáo lý Nguyên thủy hàm chứa yếu tố tha lực như là công đức phát sanh từ lòng kính trọng Đức Phật, kính trọng Tam Bảo, hay là từ công đức bố thí. Trong bài kinh “Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La (*Candali - Vimàna*)”¹⁵ kể câu chuyện một phụ nữ nghèo, hạnh nghiệp xấu nhưng một lần lễ Phật với lòng thành kính, sau đó bị tai nạn lâm chung mà được sanh lên cảnh thiên cung. Hay câu chuyện: “Lâu đài do cúng mè”¹⁶, kể lại một người phụ nữ nghèo khổ, từ lâu sống với nghiệp xấu đáng đọa địa ngục, nhưng nhờ một lần cúng dường mè cho Đức Phật mà được phước sanh thiên. Trong giáo lý Tịnh độ tin tưởng rằng người thường niệm, lễ Phật và tu các thiện pháp sẽ được Phật tiếp độ vãng sanh. Đây là yếu tố quan trọng phát huy quan niệm tha lực và tự lực hợp nhất trong giáo lý Tịnh Độ. Nguyên Thủy Phật giáo, bậc thánh từ A na hàm trở lên mới thực sự không còn bị tái sanh vào thế giới Ta Bà, sẽ sanh vào cõi trời và sau cùng đắc quả A La Hán tại đó “Sau khi viên tịch ở đây, Ngài tái sanh vào cảnh giới Vô Phiền Thiên (Suddhavasa, cảnh giới hoàn toàn tinh khiết), một cảnh giới thích hợp với các vị A Na Hàm. Ngài sẽ chứng đắc Đạo Quả A La Hán và sống hết tuổi thọ trong cảnh giới này.”¹⁷ Chúng ta có thể nói rằng từ bậc A Na Hàm mới được an trú trong cảnh “Thiên quốc Tịnh Độ”.

Theo giáo lý Tịnh Độ Phật A Di Đà là vị Phật ánh sáng luôn soi chiếu thông suốt mọi cảnh giới, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh. Đại thừa triển khai chân lý Phật dạy với quan niệm Thế giới quan và Phật đà quan hoàn toàn không bị đóng khung trong quan niệm của Phật giáo Nguyên thủy. Niềm tin trọn vẹn về một bậc thầy giác ngộ viên mãn, đầy đủ oai lực từ bi và trí tuệ. Năng lực của Phật có từ trường rất mạnh đối với tâm thức người quán niệm. Người tu Tịnh Độ, cũng có niềm tin rằng bên ngoài có Phật A Di Đà, bên trong tâm mình có tánh Phật A Di Đà. Khi chưa giác ngộ thì còn bị phiền não che lấp tánh Di Đà, nay niệm Phật là phương tiện tuyệt vời để khôi phục tâm tánh ấy.

Có thể nói niệm Phật theo hệ Nikaya là quán tưởng công đức Phật, Tịnh Độ tông phát huy yếu tố tha lực và tín ngưỡng một cách triệt để, để truyền bá rộng rãi trong quần chúng. Nhưng phải ghi nhận rằng, yếu tố triết lý trong giáo nghĩa Tịnh Độ vẫn nhấn mạnh vai trò

¹⁵ HT Minh Châu dịch, Tiểu bộ kinh- Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La (*Candali - Vimàna*)-VNCPH xuất bản 1999

¹⁶ HT. Thích Minh Châu dịch- Tiểu bộ kinh II, câu chuyện Lâu đài do cúng mè. VNCPH xuất bản 1999.

¹⁷ *Hòa thượng Narada- Đức Phật và Phật Pháp*-Chương Con đường niết bàn, Phạm Kim Khánh dịch từ Anh sang Việt, 1998.

pháp Niệm Phật hướng đến chứng ngộ Niết bàn như giáo lý Nguyên Thủy. Như kinh Bát Chu Tam Muội, Kinh Văn Thù Thuyết Bát Nhã Kinh, Kinh Lăng Nghiêm và nhiều kinh khác.

Phái của ngài Huệ Viễn thể hiện pháp niệm Phật tam muội, thiên về phép quán tưởng niệm Phật, ít phổ biến rộng rãi, nhưng bậc trí tu hành pháp này rất thực dụng. Phái tổ Thiên Đạo khuyến niệm Phật chú trọng y cứ vào Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ, với tín ngưỡng là người niệm Phật được tất cả các chư Phật hộ niệm “Nhất thiết chư Phật hộ niệm”. Phái của ngài Từ Mẫn thì mang tính chất quân bình trong đời sống niệm Phật, vận dụng giáo nghĩa Phật dạy các tông phái Giáo-Thiền-Mật-Tịnh. Về sau, có Thiền sư Vĩnh Minh (904-975), có công khởi xướng tư tưởng Thiền Tịnh song tu, điều hòa tư tưởng Thiền và Tịnh thông qua triển khai rộng phương diện triết lý của pháp môn niệm Phật. Điều đó thể hiện rõ trong tác phẩm “Vạn thiện đồng quy tập”. Các nhà hoằng pháp xưa nay, tùy theo đối tượng và hoàn cảnh đúc kết tinh hoa Tịnh Độ để tu học và đưa về tính nhất quán với lập trường giáo lý Đại thừa.

III- Vãng sanh và chứng ngộ là tinh hoa của pháp môn niệm Phật

Vãng sanh có nhiều chánh nhân, nhưng căn bản kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy rằng: "Này Vi Đề Hi! Người muốn sang nước Cực Lạc ấy nên tu ba phước. Một là hiếu nuôi cha mẹ, kính thờ bậc Sư Trưởng, có tâm nhơn từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là thọ trì Tam Quy y, đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ Đề, sâu tin nhơn quả, đọc tụng Kinh điển Đại Thừa và khuyến dạy sách tiến người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp."¹⁸ Đó là hạnh tu thiết thực trong đời sống con người, mang ý nghĩa đạo đức, luân lý, giới luật và tu tập trí tuệ. Vãng sanh theo Kinh A Di Đà dạy là phải đạt “Nhất tâm bất loạn”, một khi đạt nhất tâm bất loạn tức là thành tựu về thiền định và trí tuệ. Khi có đủ tuệ giác thì mới có đầy đủ công đức giải thoát. Vãng sanh theo kinh Hoa Nghiêm được đúc kết trong quá trình thực hành mười nguyện lớn của Bồ Tát Phổ Hiền, đây là lộ trình tu học tích cực, có chí nguyện lớn trong tinh thần tự lợi và lợi tha, sau cùng đem hết thủy công đức nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ. “Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi, Phước lớn vô biên đều hồi hướng, Khấp nguyện chúng sanh đang chìm đắm, Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang.”¹⁹ Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, muốn sanh Tịnh Độ là niệm Phật đắc vô sanh pháp nhẫn, tức thuộc bậc Bồ tát mới thông đạt pháp vô sanh, hay là bất thối địa. Đây là hạnh tu của Bồ tát Đại Thế Chí, dùng câu niệm Phật để thâm nhiếp sáu căn, tịnh niệm tâm để nhập vào chánh định, khi có chánh định thì có tuệ giác ngộ và được vãng sanh. “Pháp tu nhân địa của con là chuyên tâm niệm Phật, chứng nhập pháp Vô Sanh Nhẫn. Nay ở cõi Ta Bà này, rộng độ những người niệm Phật, vãng sanh về Tịnh Độ. Phật hỏi về chứng đắc viên

¹⁸ Kinh Quán Vô Lượng Thọ-HT. Thích Trí Tịnh dịch.

¹⁹ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Phẩm Nhập Bát Tư Nghi Giải Thoát, Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Thứ 14
Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Bát Nhã, Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.

thông, con không lựa chọn, đều nhiếp lục căn, tịnh niệm kế tiếp, được vào Tam Ma Địa, đó là thù thắng nhất.”²⁰.

Kinh Bát Chu Tam Muội dạy pháp quán tưởng niệm Phật. Đây là một phương pháp tưởng nhớ và quán sát hình ảnh Phật A Di Đà đến chuyên chú và nhập thiền định. Do sức tưởng niệm mà thấy Phật A Di Đà, thấy Phật là đồng nghĩa được vãng sanh. Nhưng muốn thấy Phật A Di Đà phải vào Tam Muội, tức nhập vào chánh định. Kinh chép: “Như ta vừa nghe danh hiệu đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác hiện nay ngài ngự ở thế giới chư Phật. Thế giới của ngài tên là Cực Lạc ngài thường ngự vào các pháp hội của các Bồ tát để nói pháp và giáo hóa. Rồi người nghe y theo chỗ nghe được chuyên tin tưởng nhớ quán sát không ngừng nghỉ cho đến khi hình ảnh trên hiện rõ ràng trong trí sau cùng được thấy Đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác”.²¹ Và kinh này giải thích rõ phương pháp khởi tâm quán sát, biện tâm để đắc trí tuệ giải thoát Niết bàn như sau: “Tâm có tướng niệm tức thành sanh tử, Tâm không tướng niệm tức là Niết Bàn, các pháp không chọn thật chỉ do tư tưởng duyên khởi, đối tượng bị nghĩ liền diệt chủ thể năng tưởng cũng không. Hiền Hộ! Ông nên biết các Bồ tát nhơn tam muội này chứng được trí giác vĩ đại.”²²

Niệm Phật như thế nào để phù hợp với tông chỉ của giáo lý Phật dạy? A Di Đà chính là bản tánh của chúng ta, niệm Phật là hàng phục phiền não để hiển lộ tánh giác A Di Đà. Niệm Phật để chuyển thức thành trí, hiển lộ tự tánh Di Đà. Niệm Phật đạt nhất tâm bất loạn, không còn tướng người niệm và đối tượng niệm: Niệm Phật siêu việt đối đãi năng sở. Niệm Phật quán tưởng Cực lạc tại tâm, cho nên không còn khái niệm đây là Ta Bà và kia là Tịnh Độ: Niệm Phật siêu việt chướng ngại không gian. Niệm Phật an trú ngay trong mỗi niệm không chấp trước, không mong cầu tương lai, không truy tìm quá khứ: Niệm Phật siêu việt thời gian. Niệm Phật như thế, không lạc vào có và không, không chấp trước, tâm tánh rỗng lặng: Niệm Phật khế hợp trung đạo thật tướng. Công phu như vậy, thì Thiền, Tịnh và Mật hay các phương pháp tu học khác cùng điểm chung là hướng về Niết bàn giải thoát, như nước trăm sông đổ vào một biển cả mênh mông.

V- Lời kết

Trên phương diện tu học, thực tập bất cứ một pháp môn nào cũng có những phương tiện nhất định để điều phục và chuyển hóa tâm. Tịnh Độ đã từng phát triển mạnh mẽ trong tri thức quần chúng qua nhiều thế kỷ tại các nước Phật Giáo Đại thừa. Liên quan vấn đề tín ngưỡng và triết lý trong pháp niệm Phật chúng ta có thể đi đến một vài nhận xét sau:

²⁰ Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, Pháp sư Minh Nhãn - Việt dịch

²¹ Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đồi Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ

²² Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đồi Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ

Thứ nhất: Tín ngưỡng và triết lý trong pháp niệm Phật là điều kiện căn bản của mục đích vãng sanh và thành tựu tuệ giác. Bồ tát Long Thọ xem pháp môn niệm Phật dễ thành tựu đạo quả vô thượng một cách mau chóng, gọi là “Dị hành đạo”(Dễ tu hành): “Phật pháp có vô lượng môn, như những con đường ở thế gian có khó có dễ, đi bộ thì khó ngồi thuyền bè thì dễ. Muốn dễ đi mau đến phải nên niệm Phật, phải nên xưng danh hiệu Phật A-Di-Đà thì mau được đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng”²³.

Thứ hai: Niệm Phật là phương pháp rất thù thắng để điều phục phiền não và thể nhập trạng thái chánh định, đó là tiềm năng của sự quán tâm để chứng ngộ Niết bàn. Vấn đề đặt ra là phương pháp niệm và quán tưởng theo đúng kinh điển Nikaya và kinh Đại thừa hướng dẫn.

Thứ ba: Trên phương diện triết lý thì Thực tướng niệm Phật là nội dung căn bản của các pháp môn , vạn pháp không ngoài tâm, mười pháp giới không ngoài tâm, vũ trụ không ngoài tâm, Tây Phương Tịnh Độ không ngoài tâm và niết bàn Niết Bàn không ngoài tâm. Tâm ấy là bản thể vạn pháp, chính là “Tự tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ”. Dù tu bất cứ pháp môn nào sau cùng cũng chứng ngộ tâm tánh ấy. Đó là tinh hoa của pháp môn Tịnh Độ, cho nên các vị tổ sư xem Pháp Niệm Phật là phương tiện thiết thực trong sự tu học và truyền bá Phật pháp./.

²³ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển 26, Tỳ Đàm Bộ Nhất, Số 1521, Trang 40, Luận Tỳ Bà Sa, Phẩm Dị Hành, Trước tác: Thánh Giả Long Thọ, Hán dịch: Cưu Ma La Thập, Việt dịch: Thích Hồng Nhơn